

Biểu mẫu 07

UBND TP, THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN AN

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Tiểu học Tân An
Đầu năm học 2024-2025

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	28	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	28	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhò, mượn (Mượn phòng Mỹ thuật, phòng Âm nhạc làm phòng học)	0	
III	Số điểm trường lẻ		
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	9342,4m ²	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	484m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	1426	
1	Diện tích phòng học (m ²) - Phòng kiên cố - Phòng bán kiên cố	102	
2	Diện tích thư viện (m ²)	76	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)		
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	72	
6	Diện tích phòng tin học (m ²)		
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	76	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt	102	

	<i>động Đội (m²)</i>		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	23	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1 (tất cả các môn)	5/5	
1.2	Khối lớp 2 (tất cả các môn)	6/6	
1.3	Khối lớp 3 (tất cả các môn)	6/6	
1.4	Khối lớp 4 (tất cả các môn)	5/5	
1.5	Khối lớp 5 (tất cả các môn)	6/6	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VII I	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	28	
2	Cát xét	6	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác... Bảng thông minh	1	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	232
XI	Nhà ăn	352

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
--	----------	--------------------------------	--------	-------------------------

		(m ²)		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	
XIII	Khu nội trú	0	0	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6	4	4		0.3 m ² / học sinh
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Tân An, ngày 05 tháng 9 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị

Trương Thu Thùy